

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 641/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

-Anh Lê Văn Ng, sinh năm 1978; Nơi cư trú: 10/2 Lê Quý Đ, phường Phú H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Chị Phạm Thị Ái Q, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Tổ 6A, KP5, thị trấn Trảng B, huyện Trảng B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn Ng và chị Phạm Thị Ái Q kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 03 năm, được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2008 và anh, chị đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Thủy B, thành phố H ngày 25/11/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ anh Ng ở 10/2 Lê Quý Đôn, phường Phú H, thành phố H. Từ năm 2015 anh, chị vào Đồng Nai làm ăn, sinh sống và mâu thuẫn bắt đầu xảy ra. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và thường gây gổ nhau. Từ tháng 7/2018 anh Nguyễn về Huế sinh sống và từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa chỉ có trách nhiệm với con cái. Do hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng không khắc phục được nên anh Ng và chị Q cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Lê Văn Ng, chị Phạm Thị Ái Q chung sống có 02 con chung là Lê Phương Th, sinh ngày 28/12/2009 và Lê Văn Hiền V, sinh ngày 06/9/2013. Nguyên vọng của cháu Th muốn ở với chị Q nên anh Ng và chị Q thỏa thuận giao cháu Th cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành

niên (đủ 18 tuổi); giao cháu V cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi). Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Văn Ng và chị Phạm Thị Ái Q chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Văn Ng và chị Phạm Thị Ái Q mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 11/01/2019), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Lê Văn Ng và chị Phạm Thị Ái Q.

- Về con chung: Giao cháu Lê Phương Th, sinh ngày 28/12/2009 cho chị Phạm Thị Ái Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi); giao cháu Lê Văn Hiên V, sinh ngày 06/9/2013 cho anh Lê Văn Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi). Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Văn Ng và chị Phạm Thị Ái Q chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Văn Ng và chị Phạm Thị Ái Q mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền anh Lê Văn Ng và chị Phạm Thị Ái Q đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/006159 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT H;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP H
- UBND P Thủy Biều, H
- (ĐKKH ngày 25/11/2008);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh